

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2020/DS-ST**

Ngày: 06/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Lê Văn Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Châu - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-DS ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 28, ấp TT, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Phạm Phong P, sinh năm 1991. Địa chỉ: E1/30, đường NHT, khu phố 5, thị trấn TT, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 28/4/2020).

2. Bị đơn: Dương Thị K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 221/1, tổ 12, ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng: Lê Thị P1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp XL, xã HT, Tp. BL, tỉnh Bạc Liêu.

(Có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/01/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

Trước ngày 25/9/2018 âm lịch (al), chị K có đến nhà trọ ở đường Hồ Học Lãm, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh tìm gặp mẹ của chị là bà Lê Thị A để mượn tiền, nhưng lúc đó do bệnh nên mẹ chị không thể cho chị K mượn tiền. Đến ngày 25/9/2018 al, chị K tiếp tục đến nhà trọ năn nỉ, nên chị có lấy tiền của chị cho chị K mượn 100.000.000đồng. Mặc dù giữa chị và chị K chỉ quen biết bình thường, không thân thích, nhưng chị cho chị K mượn không lấy lãi.

Việc vay mượn tiền nói trên, theo yêu cầu của chị thì chị K có làm giấy giấy mượn tiền cho chị, giấy này chị K sử dụng hóa đơn bên chị K để ghi. Do ghi thiếu ngày tháng thì liền sau đó mẹ chị có yêu cầu chị K là phải ghi rõ ngày tháng vào. Vì lẽ đó, chị K làm thêm tờ giấy thứ hai nội dung là “K, 25/9/2018 âm lịch, 100 triệu”, có nghĩa là chị K mượn chị 100.000.000đồng vào ngày 25/9/2018 âm lịch. Các giấy tờ này do chính chị K viết và ký tên. Đối với tờ giấy thứ hai có 03 hàng chữ cuối là do chị viết, mục đích giúp chị ghi nhớ thời gian chị K mượn tiền theo âm lịch và dương lịch cụ thể là ngày nào.

Khi mượn, chị K hứa đến tháng 02/2019 al sẽ trả cho chị 100.000.000đồng. Đến hạn chị đòi tiền thì chị K nói hốt hụi không được, không có tiền trả. Chị K hẹn nhiều lần nữa, nhưng mỗi lần chị đến gặp chị K để lấy tiền, chị K đều viện cớ không trả.

Đến nay, chị yêu cầu chị K trả cho chị 100.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi đối với số nợ.

** Trong bản tự khai và tại phiên hòa giải cùng ngày 24/4/2020, bị đơn Dương Thị K trình bày:*

Chị hoàn toàn không có vay 100.000.000đồng theo như yêu cầu khởi kiện của chị M, vì chị M không có số tiền lớn như thế để cho chị vay, có chăng là mẹ chị M (tên thường gọi ở chợ Bình Điền là dì B) cho chị vay. Năm 2017 - 2018, chị không nhớ rõ thời gian, chị có vay của bà B số tiền 100.000.000đồng để trả tiền hàng. Lãi hàng tháng, chị trả cho bà B là 15.000.000đồng, chị thực hiện việc trả lãi này một cách đều đặn và đầy đủ từ lúc vay cho đến khi bà B mất. Trong quá trình trả lãi, đến cuối năm 2018, chị trả được cho bà B được 06 lần tiền nợ gốc, thời gian cụ thể chị không nhớ, mỗi lần trả 10.000.000đồng, tổng cộng trả được 60.000.000đồng. Đến nay, chị còn nợ bà B 40.000.000đồng. Việc vay mượn tiền, trả lãi, trả tiền nợ gốc giữa chị và bà B, đôi bên không có làm giấy tờ xác nhận.

Đối với 02 giấy nợ mà chị ghi nhận có nợ chị M 100.000.000đồng, bản sao giấy nợ chị M có nộp cho Tòa án, là chị ghi theo ý của bà B (mẹ chị M) là có

mượn của Tuyết M 100.000.000đồng, thật ra bản chất sự việc là chị nợ bà B số tiền này chứ không có nợ chị M. Do đó, nay chị M yêu cầu chị trả 100.000.000đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị hoàn toàn không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng từ trước đến nay hoàn toàn không có vay tiền của nguyên đơn và đề nghị triệu tập Lý Thị P1, sinh năm 1968, địa chỉ ấp XL, xã HT, Tp. BL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng để làm rõ số tiền nợ 100.000.000đồng mà nguyên đơn đang tranh chấp.

Người làm chứng Lý Thị P1 trình bày: Chị là người làm công cho chị K tại vừa rau củ “K” ở Chợ Bình Điền được 03 năm. Chị có biết giữa chị K và bà B (mẹ chị M) có quan hệ vay mượn tiền nhiều năm nay, số tiền mỗi lần đôi bên giao dịch ít là 100.000.000đồng, nhiều nhất là 200.000.000đồng, những lúc bà B cho chị K vay tiền đều có yêu cầu chị K làm biên nhận vay theo ý của bà B. Chị khẳng định từ trước đến nay chị chưa từng thấy chị M đưa tiền cho chị K vay, nên chị khẳng định chị K không có vay tiền của chị M mà chỉ vay tiền của bà B. Lần cuối bà B đưa 100.000.000đồng cho chị K vay tại vừa của chị K, chị không xác định là vào thời gian nào, cũng không biết rõ nội dung biên nhận vay tiền chị K lập theo ý bà B gồm nội dung gì, chị cũng không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: - *Về phần thủ tục*, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Việc chị K đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập chị Lý Thị P1 tham gia phiên tòa sơ thẩm với tư cách là người làm chứng để làm rõ hơn các tình tiết liên quan đến tranh chấp giữa chị và chị M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 77, 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] - Về nội dung yêu cầu:

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đã trình ra được chứng cứ là bản gốc hai biên nhận, nội dung ghi nhận việc bị đơn Dương Thị K có mượn của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 100.000.000đồng vào ngày 25/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 02/11/2018 dương lịch). Theo lời trình bày của phía nguyên đơn, chị M cho vay không lấy lãi, trong giấy mượn nợ chị K không có ghi thời gian trả nhưng chị K có hứa đến tháng 02/2019 sẽ trả đủ 100.000.000đồng cho chị M, nhưng sau đó chị K không giữ lời hứa, nhiều lần chị M đến vừa rau của chị K để đòi nợ thì chị K đều điện cố không trả. Từ đó, chị M khởi kiện, yêu cầu chị K trả 100.000.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về phía bị đơn, chị K trình bày trước giờ chị nhiều lần vay tiền của mẹ chị Mai (tên thường gọi là dì B), vay ít nhất là 100.000.000đồng, nhiều nhất là 200.000.000đồng, khi trả xong hết nợ vay cũ thì bà B cho chị vay tiếp. Mỗi lần vay, bà B đều yêu cầu chị viết giấy nợ theo ý của bà B bằng cách bà đọc cho chị viết, trả xong nợ vay thì bà B xé giấy nợ, trước giờ chị không giữ bất kỳ giấy nợ nào khi vay tiền của bà B. Lần cuối cùng, vào cuối năm 2017, đầu năm 2018 (không nhớ rõ thời gian), chị vay của bà B số tiền 100.000.000đồng, đến cuối năm 2018 chị trả được 60.000.000đồng nợ gốc. Do chị chưa trả hết nợ vay, nên bà B còn giữ hai giấy nợ mà chị M dùng để khởi kiện chị trong vụ án này, chị chưa bao giờ vay tiền của chị M như lời chị M trình bày. Tại phiên tòa, chị K thừa nhận hai biên nhận nợ chị M cung cấp chính chị viết và ký tên, tuy chị ghi “... có mượn Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 100.000.000đồng...” vào ngày 25/9/2018 al nhưng chị ghi theo ý của bà B, chị nghĩ đó là tên khai sinh của bà B, đến khi chị M đến vừa rau của chị đòi nợ thì chị mới biết đó là tên khai sinh của chị M. Chị chỉ mượn nợ bà B, không mượn nợ của chị M nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị M.

Xét thấy, lời trình bày của chị K trước và sau khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm có sự mâu thuẫn lẫn nhau và không có cơ sở xem xét. Hiện tại bà B đã mất nên không thể cho đối chất làm rõ, còn chị M thì lại không thừa nhận lời khai trên của chị K. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị K hoàn toàn không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc chị nhiều lần vay tiền và vay 100.000.000đồng nói trên của bà B. Trong khi, chị M và anh P đã trình ra được hai biên nhận thể hiện chị K có vay chị M 100.000.000đồng vào ngày 25/9/2018 al, không thể hiện lãi vay, thời gian trả nợ vay, tuy chị K thừa nhận do chính mình viết và có ký tên vào hai biên nhận này, nhưng chị lại không thừa nhận có vay chị M 100.000.000đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015,

xác định chị K có vay chị M 100.000.000đồng, chị M yêu cầu chị K trả 100.000.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho chị K.

Đối với lời trình bày của người làm chứng tại phiên tòa không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Bởi lẽ, qua lời trình bày này cho thấy chị P1 không biết rõ các tình tiết liên quan đến số tiền hiện tại các bên tranh chấp; việc chị cho rằng từ trước đến nay chị không thấy chị M đưa tiền cho chị K nên chị khẳng định chị K không có vay tiền chị M là không thể chấp nhận. Chị cũng không xác định được lần cuối cùng bà B đưa 100.000.000đồng cho chị K tại vựa của chị K là vào thời gian nào, nội dung biên nhận vay 100.000.000đồng chị K lập theo ý của bà B gồm những nội dung gì; hơn nữa giữa chị K và chị P1 có mối quan hệ thuê mướn lao động và làm công ăn lương nên trong lời khai khó đảm bảo được tính khách quan của sự việc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] - Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hoàn toàn phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] - Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Dương Thị K phải trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị K phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị M số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01871 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI